



Mã số mẫu/ Sample Code
BN16062096
MM16066821

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMNM 02/3 - LBH 03
Ngày/Date : 07/07/2016

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : 05 HẢI DƯƠNG - XÃ BÌNH NGỌC - TP. TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : BỂ CHỨA NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Nước trong
(Tiêu chuẩn cho phép: Tham khảo QCVN 01-2009/BYT)
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/06/2016
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 07/07/2016

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Al	mg/L	0,065 (Giới hạn: 0,2)	EPA-Method 200.8(*)
2	As	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
3	B	mg/L	0,005 (Giới hạn: 0,3)	Ref. EPA Method 200.8
4	Ba	mg/L	0,052 (Giới hạn: 0,7)	EPA-Method 200.8(*)
5	Cd	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0001 (Giới hạn: 0,003)	EPA-Method 200.8(*)
6	CN ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,007 (Giới hạn: 0,07)	TCVN 6181-96(*)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Dakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn



7	Cr	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,05)	EPA-Method 200.8(*)
8	Cu	mg/L	0,002 (Giới hạn: 1)	EPA-Method 200.8(*)
9	F ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn: 1,5)	TCVN 6195:1996 (*)
10	Hg	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0001 (Giới hạn: 0,001)	EPA-Method 200.8(*)
11	Mo	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,07)	EPA-Method 200.8(*)
12	Na	mg/L	10,9 (Giới hạn: 200)	Ref. EPA Method 200.8
13	Ni	mg/L	< MQL = 0,0006 (Giới hạn: 0,02)	EPA-Method 200.8(*)
14	Pb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
15	Sb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,005)	EPA-Method 200.8(*)
16	Se	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
17	Xyano clorit (tính theo CN ⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03 (Giới hạn: 0,07)	Ref. SM4500.CN-.J
18	Zn	mg/L	0,009 (Giới hạn: 3)	EPA-Method 200.8(*)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

19	H ₂ S	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,05 (Theo QCVN 01:2009/BYT, hàm lượng tối đa cho phép: 0,05 mg/l)	L'analyse de l'eau p.632-633,1984
20	Phenol	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,001 (Theo QCVN 01:2009/BYT, hàm lượng tối đa cho phép: 0,001 mg/l)	TCVN 6216-1996
21	Amoni	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,03 (Giới hạn: 3)	TCVN 6179-1:96 (ISO 7150-1:1984 E) (*)
22	Bromate	µg/l	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn: 25)	US EPA Method 300.1 (*)
23	Clorit	µg/l	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn: 200)	US EPA Method 300.1 (*)
24	TDS	mg/l	76,5 (Giới hạn :1000)	SMEWW 2540C (*)
25	1,2-Dichlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
26	1,4-Dichlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
27	Benzen	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
28	Benzo (a) pyrene	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,5	GC/MS_ Consolidated GC-MS/MS Analysis of OCPs, PAHs and PCBs in Environmental Samples

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

29	Ethylbenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
30	Monochlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
31	Nhóm alkan clo hóa		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
32	Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật		Xem bảng kết quả đính kèm	
33	Nhóm hóa chất khử trùng		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
34	Nhóm hữu cơ phức tạp		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
35	Styren	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
36	Toluen	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
37	Trichlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=0,1	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
38	Xylen	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
39	Monocloramin	µg/l	Không phát hiện, MDL = 1,0 Giới hạn : 3,0	Standard methods for the examination of water and wastewater
40	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	Bq/lit	Không phát hiện, MDL = 0,03 (Phù hợp QCVN 01- 2009/BYT).	TCCS NN- 11&12:2014 (**)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

41	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	Bq/lit	0,09 (Phù hợp QCVN 01-2009/BYT).	TCCS NN-11&12:2014 (**)
----	----------------------------	--------	-------------------------------------	-------------------------

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

MQL - Ngưỡng định lượng của phương pháp / *Method Quantification Limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

**KT.GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



Lê Thành Thọ

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thử Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn



- 1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*
3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MM16066821

STT/ No.	Tên/ Name	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
Alkan-Chlor hóa/ Chloroalkan group					
1.	Carbontetrachlorua	Không phát hiện Not detected	0.1	2	GC- NF.T90.125.87 GC/-BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
2.	Dichlorometan	Không phát hiện Not detected	0.1	20	
3.	1,2-Dichloroetan	Không phát hiện Not detected	0.1	30	
4.	1,1,1-Trichloroetan	Không phát hiện Not detected	0.1	2000	
5.	Vinylchlorua	Không phát hiện Not detected	0.1	5	
6.	1,2-Dichloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	50	
7.	Trichloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	70	
8.	Tetrachloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	40	
Nhóm hữu cơ phức tạp/ Organic complex group					
9.	Di(2-ethylhexyl adipate)	Không phát hiện Not detected	1	80	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
10.	Di(2-ethylhexyl phtalat)	Không phát hiện Not detected	1	8	
11.	Acrylamide	Không phát hiện Not detected	0.1	0.5	
12.	Hexachlorobutadien	Không phát hiện Not detected	0.1	0.6	
13.	Epichlorhydrin	Không phát hiện Not detected	0.1	0.4	GC- Supelco, Application note 5, fat screening for chlorinated pesticide by SPME
Hoá chất bảo vệ thực vật/ Pesticides					
14.	Aldicarb	Không phát hiện Not detected	5	10	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
15.	Carbofuran	Không phát hiện Not detected	5	5	
16.	2,4-D	Không phát hiện Not detected	5	30	

STT/ No.	Tên/Name	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
17.	MCPA	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.5	2	
18.	2,4-DB	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	90	
19.	Dichloroprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	100	
20.	Mecoprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	10	
21.	2,4,5-T	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	9	
22.	Bentazone	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	30	
23.	Fenoprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	9	
24.	Alachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	20	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
25.	Aldrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	
26.	Dieldrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.03	0.03	
27.	Atrazine	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.5	2	
28.	Chlordane	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.03	0.2	
29.	Chlorotoluton	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	30	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
30.	DDT	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.05	2	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
31.	1,2-Dibromo-3- Chloropropan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	1	GC- NF.T90.125.87 GC/- BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
32.	1,2-Dichloropropan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.1	20	
33.	1,3-Dichloropropen	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.1	20	
34.	Heptachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
35.	Heptachlor epoxide	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	
36.	Hexahclorbenzen	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.01	1	

STT/ No.	Tên/ Name	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
37.	Isoproturon	Không phát hiện <i>Not detected</i>	9	9	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
38.	Lindan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.01	2	
39.	Methoxychlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.05	20	
40.	Methachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	10	
41.	Molinate	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	6	
42.	Pendimethalin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	20	
43.	Pentachlorophenol	Không phát hiện <i>Not detected</i>	9	9	GC- ECD/Application note Merck
44.	Permethrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.4	20	GCMS/Application n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
45.	Propanil	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	20	
46.	Simazine	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	20	
47.	Trifluralin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	20	
Hoá chất khử trùng/ Chemical to sterilize					
48.	2,4,6-trichlorophenol	Không phát hiện <i>Not detected</i>	100	200	GC- NF.T90.125.87 GC/- BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
49.	Formaldehyde	Không phát hiện <i>Not detected</i>	500	900	
50.	Bromoform	0.25	0.1	100	
51.	Dibromochloromethan	1.1	0.1	100	
52.	Bromodichloromethan	1.6	0.1	60	
53.	Chloroform	1.6	0.1	200	
54.	Acid dichloroacetic	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	50	
55.	Acid trichloroacetic	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	100	
56.	Chloral hydrat (Trichloroacetaldehyde)	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	10	
57.	Dichloroacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	90	
58.	Dibromoacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	100	
59.	Trichloroacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	1	

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

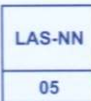
2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn



Mã số mẫu/ Sample Code
BN16062096
MM16066822

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 07/07/2016

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : 05 HẢI DƯƠNG - XÃ BÌNH NGỌC - TP. TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC TRÊN MẠNG NHÀ MÁY NƯỚC TUY HÒA
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Nước trong
(Tiêu chuẩn cho phép: Tham khảo QCVN 01-2009/BYT)
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/06/2016
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 07/07/2016

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Al	mg/L	0,066 (Giới hạn: 0,2)	EPA-Method 200.8(*)
2	As	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
3	B	mg/L	0,005 (Giới hạn: 0,3)	Ref. EPA Method 200.8
4	Ba	mg/L	0,052 (Giới hạn: 0,7)	EPA-Method 200.8(*)
5	Cd	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0001 (Giới hạn: 0,003)	EPA-Method 200.8(*)
6	CN ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,007 (Giới hạn: 0,07)	TCVN 6181-96(*)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

7	Cr	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,05)	EPA-Method 200.8(*)
8	Cu	mg/L	0,003 (Giới hạn: 1)	EPA-Method 200.8(*)
9	F ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn: 1,5)	TCVN 6195:1996 (*)
10	Hg	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0001 (Giới hạn: 0,001)	EPA-Method 200.8(*)
11	Mo	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,07)	EPA-Method 200.8(*)
12	Na	mg/L	10,9 (Giới hạn: 200)	Ref. EPA Method 200.8
13	Ni	mg/L	< MQL = 0,0006 (Giới hạn: 0,02)	EPA-Method 200.8(*)
14	Pb	mg/L	< MQL = 0,0006 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
15	Sb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,005)	EPA-Method 200.8(*)
16	Se	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002 (Giới hạn: 0,01)	EPA-Method 200.8(*)
17	Xyano clorit (tính theo CN ⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03 (Giới hạn: 0,07)	Ref. SM4500.CN-.J
18	Zn	mg/L	0,008 (Giới hạn: 3)	EPA-Method 200.8(*)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

19	H ₂ S	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,05 (Theo QCVN 01:2009/BYT, hàm lượng tối đa cho phép: 0,05 mg/l)	L'analyse de l'eau p.632-633,1984
20	Phenol	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,001 (Theo QCVN 01:2009/BYT, hàm lượng tối đa cho phép: 0,001 mg/l)	TCVN 6216-1996
21	Amoni	mg/l	Không phát hiện, MDL=0,03 (Giới hạn: 3)	TCVN 6179-1:96 (ISO 7150-1:1984 E) (*)
22	Bromate	µg/l	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn: 25)	US EPA Method 300.1 (*)
23	Clorit	µg/l	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn: 200)	US EPA Method 300.1 (*)
24	TDS	mg/l	79,0 (Giới hạn :1000)	SMEWW 2540C (*)
25	1,2-Dichlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
26	1,4-Dichlorobenzen	µg/L	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
27	Benzen	µg/L	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
28	Benzo (a) pyrene	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,5	GC/MS_ Consolidated GC-MS/MS Analysis of OCPs, PAHs and PCBs in Environmental Samples

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

29	Ethylbenzen	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
30	Monochlorobenzen	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=50	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
31	Nhóm alkan clo hóa		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
32	Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật		Xem bảng kết quả đính kèm	
33	Nhóm hóa chất khử trùng		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
34	Nhóm hữu cơ phức tạp		Xem chi tiết bảng kết quả đính kèm	
35	Styren	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
36	Toluen	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
37	Trichlorobenzen	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=0,1	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
38	Xylen	$\mu\text{g/L}$	Không phát hiện MDL=10	GC-B.KOLB, applied HS gas chromatography, 1994
39	Monocloramin	$\mu\text{g/l}$	Không phát hiện, MDL = 1,0 Giới hạn : 3,0	Standard methods for the examination of water and wastewater
40	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	Bq/lit	Không phát hiện, MDL = 0,03 (Phù hợp QCVN 01- 2009/BYT).	TCCS NN- 11&12:2014 (**)

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

41	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	Bq/lit	0,1 (Phù hợp QCVN 01-2009/BYT).	TCCS NN-11&12:2014 (**)
----	----------------------------	--------	------------------------------------	-------------------------

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

MQL - Ngưỡng định lượng của phương pháp / *Method Quantification Limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

**KT.GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



Lê Thành Thọ

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn



- 1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*
2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*
3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MM16066822

STT/ No.	Tên/ Name	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
Alkan-Chlor hóa/ Chloroalkan group					
1.	Carbontetrachlorua	Không phát hiện Not detected	0.1	2	GC- NF.T90.125.87 GC/-BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
2.	Dichlorometan	Không phát hiện Not detected	0.1	20	
3.	1,2-Dichloroetan	Không phát hiện Not detected	0.1	30	
4.	1,1,1-Trichloroetan	Không phát hiện Not detected	0.1	2000	
5.	Vinylchlorua	Không phát hiện Not detected	0.1	5	
6.	1,2-Dichloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	50	
7.	Trichloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	70	
8.	Tetrachloroeten	Không phát hiện Not detected	0.1	40	
Nhóm hữu cơ phức tạp/ Organic complex group					
9.	Di(2-ethylhexyl adipate)	Không phát hiện Not detected	1	80	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
10.	Di(2-ethylhexyl phtalat)	Không phát hiện Not detected	1	8	
11.	Acrylamide	Không phát hiện Not detected	0.1	0.5	
12.	Hexachlorobutadien	Không phát hiện Not detected	0.1	0.6	
13.	Epiclohydrin	Không phát hiện Not detected	0.1	0.4	
Hoá chất bảo vệ thực vật/ Pesticides					
14.	Aldicarb	Không phát hiện Not detected	5	10	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
15.	Carbofuran	Không phát hiện Not detected	5	5	
16.	2,4-D	Không phát hiện Not detected	5	30	
17.	MCPA	Không phát hiện Not detected	0.5	2	

STT/ No.	Tên/Name 	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
18.	2,4-DB	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	90	
19.	Dichloroprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	100	
20.	Mecoprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	10	
21.	2,4,5-T	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	9	
22.	Bentazone	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	30	
23.	Fenoprop	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	9	
24.	Alachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	20	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
25.	Aldrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	
26.	Dieldrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.03	0.03	
27.	Atrazine	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.5	2	
28.	Chlordane	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.03	0.2	
29.	Chlorotoluton	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	30	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
30.	DDT	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.05	2	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
31.	1,2-Dibromo-3- Chloropropan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	1	GC- NF.T90.125.87 GC/- BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
32.	1,2-Dichloropropan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.1	20	
33.	1,3-Dichloropropen	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.1	20	
34.	Heptachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
35.	Heptachlor epoxide	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.02	0.03	
36.	Hexahclorbenzen	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.01	1	
37.	Isoproturon	Không phát hiện <i>Not detected</i>	9	9	LC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

STT/ No.	Tên/ Name	Kết quả/ Results (mcg/L)	Giới hạn phát hiện/Method Detection Limit, (MDL,mcg/L)	Giới hạn cho phép/ Maximum Permitted Limit (mcg/L)	Phương pháp/ Method
38.	Lindan	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.01	2	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
39.	Methoxychlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.05	20	
40.	Methachlor	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	10	
41.	Molinate	Không phát hiện <i>Not detected</i>	2	6	
42.	Pendimethalin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	20	
43.	Pentachlorophenol	Không phát hiện <i>Not detected</i>	9	9	GC- ECD/Application note Merck
44.	Permethrin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	0.4	20	GCMS/Applicatio n Note 52389- Consolidated GC- MS/MS Analysis of OCPs, PAHs, and PCBs in Environmental Samples.
45.	Propanil	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	20	
46.	Simazine	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	20	
47.	Trifluralin	Không phát hiện <i>Not detected</i>	5	20	
Hoá chất khử trùng/ Chemical to sterilize					
48.	2,4,6-trichlorophenol	Không phát hiện <i>Not detected</i>	100	200	GC- NF.T90.125.87 GC/- BKOLB Applied HS gas chromatography 1994
49.	Formaldehyde	Không phát hiện <i>Not detected</i>	500	900	
50.	Bromoform	0.25	0.1	100	
51.	Dibromochloromethan	1.1	0.1	100	
52.	Bromodichloromethan	1.7	0.1	60	
53.	Chloroform	1.7	0.1	200	
54.	Acid dichloroacetic	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	50	
55.	Acid trichloroacetic	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	100	
56.	Chloral hydrat (Trichloroacetaldehyde)	Không phát hiện <i>Not detected</i>	10	10	
57.	Dichloroacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	90	
58.	Dibromoacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	50	100	
59.	Trichloroacetonitrile	Không phát hiện <i>Not detected</i>	1	1	

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casecm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ *This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
Fax: 08.39117216
Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
Email: case-ct@vnn.vn

VP Đại diện Miền Trung: Số 300 Đường 23/10,
P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
Email: kinhdoanh1@case.vn